TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC THƯỜNG XUYÊN 2026

Số: 1604 /QĐ-HĐTSTX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển đại học Hình thức đào tạo thường xuyên năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC THƯỜNG XUYÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 5955/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-TĐHTPHCM ngày 23 tháng 2 năm 2026 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-HĐTSTX ngày 25 tháng 6 năm 2026 về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 hình thức đào tạo thường xuyên của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng tuyển sinh về việc xác định Điểm chuẩn trúng tuyển đại học Hình thức đào tạo thường xuyên năm 2026;

Xét đề nghị của Ủy viên thư ký Hội đồng tuyển sinh đại học Hình thức đào tạo thường xuyên năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **110 thí sinh** trúng tuyển đại học, Hình thức đào tạo thường xuyên năm 2026 *(Đính kèm theo danh sách)*, bao gồm các ngành:

1.	Quản lý đất đai	19 thí sinh
2.	Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ	59 thí sinh
3.	Kỹ thuật cấp thoát nước	32 thí sinh
	Tổng số:	**110 thí sinh**

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà): Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm có liên quan và những thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Công bố trên website Trường;
- Lưu VT, ĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHTX
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Vũ Xuân Cường

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Quyết định số:1604/QĐ-HĐTSTX ngày 29/10/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	CCCD	Họ Tên		Giới tính	Ngày sinh	Đối tượng	Mã ngành	Tên ngành	Điểm xét tuyển (Hệ 10)	Điểm xét tuyển (Hệ 4)	Điểm UT	Điểm TT	Ghi chú
1	079201018862	Nguyễn Kim	Cảnh	Nam	20/03/2001		7850103	Quản lý đất đai	7,41			7,41	Đối tượng xét từ Cao đẳng
2	079201015660	Trương Quốc	Danh	Nam	23/12/2001		7850103	Quản lý đất đai		2,88		2,88	Đối tượng xét từ Cao đẳng
3	075300022002	Diệp Tiểu	Giao	Nữ	29/10/2000		7850103	Quản lý đất đai	6,69			6,69	Đối tượng xét từ Cao đẳng
4	079082000268	Trần Vinh	Hiển	Nam	12/10/1982		7850103	Quản lý đất đai	5,63			5,63	Đối tượng xét từ Cao đẳng
5	080201000705	Phan Anh	Kiệt	Nam	03/05/2001		7850103	Quản lý đất đai		2,94		2,94	Đối tượng xét từ Cao đẳng
6	075086002679	Huỳnh Công	Lập	Nam	23/12/1986		7850103	Quản lý đất đai	6,16			6,16	Đối tượng xét từ Cao đẳng
7	079085014931	Trần Hữu	Lập	Nam	08/01/1985		7850103	Quản lý đất đai	6,63			6,63	Đối tượng xét từ Cao đẳng
8	079201031844	Đỗ Đức	Ngọc	Nam	28/04/2001		7850103	Quản lý đất đai	7,22	2,69		7,22	Đối tượng xét từ Cao đẳng
9	079097039673	Nguyễn Ngô Trọng	Nhân	Nam	17/05/1997		7850103	Quản lý đất đai	6,28	2,58		6,28	Đối tượng xét từ Cao đẳng
10	079203013657	Đặng Triệu Hoài	Phúc	Nam	18/07/2003		7850103	Quản lý đất đai	2,57			2,57	Đối tượng xét từ Cao đẳng
11	052096006778	Trần Hữu	Phước	Nam	02/04/1996		7850103	Quản lý đất đai	6,61	2,41		6,61	Đối tượng xét từ Cao đẳng
12	079302013996	Nguyễn Thị Yến	Quỳnh	Nữ	18/07/2002		7850103	Quản lý đất đai	6,63			6,63	Đối tượng xét từ Cao đẳng
13	079202015114	Huỳnh Ngọc	Sơn	Nam	06/12/2002		7850103	Quản lý đất đai	6,74	2,34		6,74	Đối tượng xét từ Cao đẳng
14	070205009975	Nguyễn Xuân	Tính	Nam	15/11/2005		7850103	Quản lý đất đai	7,42			7,42	Đối tượng xét từ Cao đẳng
15	077093009737	Trương Minh	Thắng	Nam	20/10/1993		7850103	Quản lý đất đai		2,06		2,06	Đối tượng xét từ Cao đẳng
16	072208005178	Lê Hoàng	Duy	Nam	06/12/2008		7850103	Quản lý đất đai	3,00			3,00	Đối tượng xét từ Trung cấp
17	079093000772	Lê Trần	Nam	Nam	21/02/1993		7850103	Quản lý đất đai	7,67			7,67	Đối tượng xét từ Trung cấp
18	082087007064	Trần Khánh	Tỷ	Nam	19/10/1987		7850103	Quản lý đất đai	Trung bình			Trung bình	Đối tượng xét từ Trung cấp
19	087190003959	Trịnh Tuyết Thanh	Thư	Nữ	24/06/1990		7850103	Quản lý đất đai	6,00			6,00	Đối tượng xét từ Trung cấp

Tổng cộng: 19 thí sinh

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026
NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

(Kèm theo Quyết định số: 1604/QĐ-HĐTSTX ngày 29/10/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	CCCD	Họ Tên		Giới tính	Ngày sinh	Đối tượng	Mã ngành	Tên ngành	Điểm xét tuyển (Hệ 10)	Điểm xét tuyển (Hệ 4)	Điểm UT	Điểm TT	Ghi chú
1	083091005902	Đỗ Thanh	Nhân	Nam	06/05/1991		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,67			6,67	Đối tượng xét từ Cao đẳng
2	040087000720	Nguyễn Quang	Ánh	Nam	08/11/1987		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,74	2,55		6,74	Đối tượng xét từ Trung cấp
3	060204011441	Bùi Trần Gia	Bảo	Nam	25/09/2004		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		2,52		2,52	Đối tượng xét từ Trung cấp
4	070094007315	Nguyễn Đình	Cường	Nam	22/01/1994		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		2,71		2,71	Đối tượng xét từ Trung cấp
5	038078000654	Nguyễn Danh	Chính	Nam	08/09/1978		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,22			6,22	Đối tượng xét từ Trung cấp
6	086203000632	Nguyễn Tấn	Dinh	Nam	09/12/2003		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,90			7,90	Đối tượng xét từ Trung cấp
7	093091011732	Nguyễn Tường	Du	Nam	02/04/1991		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,52	2,22		6,52	Đối tượng xét từ Trung cấp
8	038094041133	Đinh Văn	Đại	Nam	10/08/1994		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,69	2,47		6,69	Đối tượng xét từ Trung cấp
9	030079029086	Nguyễn Huy	Đức	Nam	21/05/1979		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	5,87			5,87	Đối tượng xét từ Trung cấp
10	080194008935	Bùi Lê Cẩm	Giang	Nữ	23/10/1994		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,70	2,64		6,70	Đối tượng xét từ Trung cấp
11	079097003882	Huỳnh Lê Chí	Hải	Nam	08/05/1997		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		2,86		2,86	Đối tượng xét từ Trung cấp
12	082099005801	Nguyễn Văn	Hảo	Nam	19/03/1999		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		2,60		2,60	Đối tượng xét từ Trung cấp
13	077208005541	Phạm Xuân	Hảo	Nam	03/01/2008		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,80			6,80	Đối tượng xét từ Trung cấp
14	068202010225	Tạ Đàm Duy	Hiếu	Nam	14/02/2002		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		2,82		2,82	Đối tượng xét từ Trung cấp
15	038084028482	Trần Văn	Hiếu	Nam	03/02/1984		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,52	2,96		7,52	Đối tượng xét từ Trung cấp
16	052098014542	Nguyễn Thanh	Hòa	Nam	07/03/1998		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,42			7,42	Đối tượng xét từ Trung cấp
17	079099017823	Hạp Tiến	Hoàng	Nam	14/05/1999		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,09			7,09	Đối tượng xét từ Trung cấp
18	091092019171	Vũ Huy	Hoàng	Nam	12/10/1992		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,10			6,10	Đối tượng xét từ Trung cấp
19	066202003142	Lê Phú	Huy	Nam	27/02/2002		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		2,76		2,76	Đối tượng xét từ Trung cấp
20	079098002446	Vũ Quang	Huy	Nam	09/01/1998		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	8,40			8,40	Đối tượng xét từ Trung cấp
21	040080000878	Nguyễn Chính	Hữu	Nam	07/02/1980		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	Trung bình			Trung bình	Đối tượng xét từ Trung cấp
22	040200015984	Ngô Quang	Khánh	Nam	02/09/2000		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,80			6,80	Đối tượng xét từ Trung cấp
23	080099008579	Nguyễn Triệu	Khánh	Nam	22/06/1999		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		2,04		2,04	Đối tượng xét từ Trung cấp
24	083092001519	Đoàn Duy	Khiêm	Nam	01/04/1992		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,00			7,00	Đối tượng xét từ Trung cấp
25	040094010345	Đào Văn	Lạng	Nam	30/09/1994		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,42	2,40		6,42	Đối tượng xét từ Trung cấp
26	044203005736	Phạm Quang	Linh	Nam	14/09/2003		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	8,50			8,50	Đối tượng xét từ Trung cấp
27	074095004070	Trương Bảo	Lộc	Nam	10/09/1995		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,37	2,99		7,37	Đối tượng xét từ Trung cấp
28	038093022419	Lưu Văn	Mạnh	Nam	05/02/1993		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	Trung bình			Trung bình	Đối tượng xét từ Trung cấp

STT	CCCD	Họ Tên		Giới tính	Ngày sinh	Đối tượng	Mã ngành	Tên ngành	Điểm xét tuyển (Hệ 10)	Điểm xét tuyển (Hệ 4)	Điểm UT	Điểm TT	Ghi chú
29	075203003154	Lê Thanh Hoàng	Nam	Nam	18/09/2003		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,53	2,45		6,53	Đối tượng xét từ Trung cấp
30	040086006150	Nguyễn Ngọc	Nam	Nam	17/11/1986		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,35			6,35	Đối tượng xét từ Trung cấp
31	038093038625	Lê Tam	Ngọc	Nam	07/05/1993		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,30			7,30	Đối tượng xét từ Trung cấp
32	084079015159	Phạm Trọng	Nhân	Nam	02/02/1979		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,50			7,50	Đối tượng xét từ Trung cấp
33	086193011225	Trần Thị Hồng	Nhân	Nữ	20/08/1993		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		2,87		2,87	Đối tượng xét từ Trung cấp
34	036092002323	Trần Văn	Nhất	Nam	11/06/1992		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	8,80			8,80	Đối tượng xét từ Trung cấp
35	049095003504	Đoàn Vũ Minh	Nhật	Nam	18/04/1995		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,94	2,74		6,94	Đối tượng xét từ Trung cấp
36	079092032459	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	03/09/1992		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,14	2,63		7,14	Đối tượng xét từ Trung cấp
37	054088013277	Lê Thành	Phương	Nam	16/04/1988		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,00			7,00	Đối tượng xét từ Trung cấp
38	038082041166	Vũ Đình	Sáng	Nam	14/04/1982		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,50			6,50	Đối tượng xét từ Trung cấp
39	054201003595	Đặng Phan Quàng	Sơn	Nam	13/09/2001		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,99	2,76		6,99	Đối tượng xét từ Trung cấp
40	082202015776	Huỳnh Phát	Tài	Nam	07/09/2002		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,50	3,03		7,50	Đối tượng xét từ Trung cấp
41	038092009476	Lê Đình	Toàn	Nam	29/06/1992		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		2,67		2,67	Đối tượng xét từ Trung cấp
42	0860870101109	Phạm Hoàng	Tôn	Nam	10/04/1987		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	Trung bình			Trung bình	Đối tượng xét từ Trung cấp
43	042083001707	Phạm	Tuân	Nam	10/08/1983	06	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	Trung bình			Trung bình	Đối tượng xét từ Trung cấp
44	0660830087788	Huỳnh Đức	Thạch	Nam	29/08/1983		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	Trung bình			Trung bình	Đối tượng xét từ Trung cấp
45	079204015454	Trần Thiên	Thạch	Nam	07/01/2004		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,60	3,19		7,60	Đối tượng xét từ Trung cấp
46	051093009006	Lê Mỹ	Thái	Nam	10/01/1993		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,12			6,12	Đối tượng xét từ Trung cấp
47	089089000928	Lê Phước	Thành	Nam	04/11/1989		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,50			6,50	Đối tượng xét từ Trung cấp
48	036200020351	Vũ Ngọc	Thơm	Nam	31/03/2000		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,95			7,95	Đối tượng xét từ Trung cấp
49	079091011122	Huỳnh Tấn	Thụ	Nam	01/10/1991		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,91			6,91	Đối tượng xét từ Trung cấp
50	060305006310	Phạm Thị Anh	Thư	Nữ	16/08/2005		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	8,14	3,32		8,14	Đối tượng xét từ Trung cấp
51	080195002825	Phạm Thị Ngọc	Trầm	Nữ	30/01/1995		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,26	2,43		6,26	Đối tượng xét từ Trung cấp
52	051094008285	Dương Thanh	Truyền	Nam	14/09/1994		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,74			6,74	Đối tượng xét từ Trung cấp
53	079096022785	Trần Xuân	Trường	Nam	09/06/1996		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7,23	2,80		7,23	Đối tượng xét từ Trung cấp
54	083089011248	Ngô Quốc	Việt	Nam	24/09/1989		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	6,08			6,08	Đối tượng xét từ Trung cấp
55	024088018158	Nguyễn Văn	Vinh	Nam	28/11/1988		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	Trung bình khá			Trung bình khá	Đối tượng xét từ Trung cấp
56	068094005588	Hoàng Tuấn	Vũ	Nam	13/05/1994		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	5,41	2,01		5,41	Đối tượng xét từ Trung cấp
57	030076011041	Nguyễn Bá	Vương	Nam	29/10/1976		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	Trung bình			Trung bình	Đối tượng xét từ Trung cấp
58	079303038880	Lê Ngọc Lan	Vy	Nữ	29/10/2003		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		3,37		3,37	Đối tượng xét từ Trung cấp
59	077300004290	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	19/06/2000		7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		2,50		2,50	Đối tượng xét từ Trung cấp

Tổng cộng: 59 thí sinh mười

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026
NGÀNH KỸ THUẬT CẤP THOÁT NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số:1604/QĐ-HĐTSTX ngày 29/10/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	CCCD	Họ Tên		Giới tính	Ngày sinh	Đối tượng	Mã ngành	Tên ngành	Điểm xét tuyển (Hệ 10)	Điểm xét tuyển (Hệ 4)	Điểm UT	Điểm TT	Ghi chú
1	082200006137	Đặng Nguyễn Phước	An	Nam	05/12/2000		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	6,61			6,61	Đối tượng xét từ Cao đẳng
2	060081008713	Trương Ngọc	Hiền	Nam	12/08/1981		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	6,24			6,24	Đối tượng xét từ Cao đẳng
3	092093003107	Đoàn Tiến	Hoài	Nam	30/08/1993		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	7,11	2,75		7,11	Đối tượng xét từ Cao đẳng
4	079098029790	Đinh Đức	Hoàng	Nam	17/07/1998		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	6,51	2,46		6,51	Đối tượng xét từ Cao đẳng
5	038092033165	Lê Xuân	Hồng	Nam	12/10/1992		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	6,09			6,09	Đối tượng xét từ Cao đẳng
6	075092013019	Nguyễn Văn	Lâm	Nam	02/01/1992		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	5,86	2,01		5,86	Đối tượng xét từ Cao đẳng
7	051204011967	Bùi Tấn	Minh	Nam	29/08/2004		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	7,13			7,13	Đối tượng xét từ Cao đẳng
8	082090063446	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	27/11/1990		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước		2,31		2,31	Đối tượng xét từ Cao đẳng
9	075204008985	Lê Chí	Nhân	Nam	23/04/2004		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	6,97			6,97	Đối tượng xét từ Cao đẳng
10	079304003802	Lâm Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	28/05/2004		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	6,91			6,91	Đối tượng xét từ Cao đẳng
11	079304003801	Lâm Nguyễn Tú	Như	Nữ	28/05/2004		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	6,44			6,44	Đối tượng xét từ Cao đẳng
12	079085012349	Nguyễn Thanh	An	Nam	15/11/1985		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	7,20			7,20	Đối tượng xét từ Trung cấp
13	079097020738	Nguyễn Quang	Dũng	Nam	24/09/1997		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	74,00			74,00	Đối tượng xét từ Trung cấp
14	079081008532	Vũ Ngọc	Dương	Nam	30/09/1981		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	5,59			5,59	Đối tượng xét từ Trung cấp
15	079093036933	Lê Công	Hậu	Nam	02/12/1993		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	7,40			7,40	Đối tượng xét từ Trung cấp
16	079094002858	Trần Ngọc	Hiển	Nam	06/12/1994		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước		2,35		2,35	Đối tượng xét từ Trung cấp
17	052095015630	Phan Hiền	Khanh	Nam	10/08/1995		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	6,20			6,20	Đối tượng xét từ Trung cấp
18	079098004829	Đinh Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	09/02/1998		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	Khá			Khá	Đối tượng xét từ Trung cấp
19	087201007681	Lê Trang	Nguyên	Nam	13/08/2001		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước		3,48		3,48	Đối tượng xét từ Trung cấp
20	079206036785	Ngô Minh	Nhật	Nam	29/11/2006		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	7,48			7,48	Đối tượng xét từ Trung cấp
21	048086000077	Huỳnh Ngọc	Phận	Nam	27/02/1986		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	7,70			7,70	Đối tượng xét từ Trung cấp
22	079203002136	Hoàng Nguyễn	Phú	Nam	13/01/2003		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước		2,84		2,84	Đối tượng xét từ Trung cấp
23	083096007857	Nguyễn Hoàng Minh	Phúc	Nam	16/07/1996		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	6,20			6,20	Đối tượng xét từ Trung cấp
24	079080002751	Nguyễn Thanh	Phương	Nam	02/12/1980		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	5,94			5,94	Đối tượng xét từ Trung cấp
25	079201001803	Nguyễn Tấn	Quang	Nam	17/10/2001		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	7,30			7,30	Đối tượng xét từ Trung cấp
26	079098007717	Phan Văn	Quốc	Nam	10/04/1998		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	6,30			6,30	Đối tượng xét từ Trung cấp
27	079089008261	Phan Trọng	Sang	Nam	02/12/1989		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước		2,72		2,72	Đối tượng xét từ Trung cấp
28	052200004629	Võ Văn	Sang	Nam	24/12/2000		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	8,10	3,34		8,10	Đối tượng xét từ Trung cấp

STT	CCCD	Họ Tên		Giới tính	Ngày sinh	Đối tượng	Mã ngành	Tên ngành	Điểm xét tuyển (Hệ 10)	Điểm xét tuyển (Hệ 4)	Điểm UT	Điểm TT	Ghi chú
29	079088011797	Nguyễn Chí	Tâm	Nam	24/07/1988		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	6,70			6,70	Đối tượng xét từ Trung cấp
30	089097016877	Phạm Hoài	Thi	Nam	05/05/1997		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước		2,26		2,26	Đối tượng xét từ Trung cấp
31	079082014035	Phạm Minh	Triều	Nam	14/08/1982		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	Trung bình			Trung bình	Đối tượng xét từ Trung cấp
32	068095012058	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	20/01/1995		7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	6,52			6,52	Đối tượng xét từ Trung cấp

Tổng cộng: 32 thí sinh